

**UNIVERSITÉ NATIONALE DU VIETNAM À HANOI
UNIVERSITÉ DE LANGUES ET D'ÉTUDES INTERNATIONALES**

Département de Post-Universitaires

ROMANI Yves

**L'adaptation du concept de déviance positive à la formation de
professeurs français de FLE en contexte hétéroglotte - Le cas de
cours adultes à Hanoi au Vietnam**

**(Áp dụng khái niệm lệch lạc tích cực vào đào tạo giáo viên tiếng
Pháp FLE trong bối cảnh đa ngôn ngữ: trường hợp các khóa học
dành cho người lớn tại Hà Nội, Việt Nam)**

**Spécialité : Méthodologie de l'enseignement du française
Code : 9140233.01**

**Directeurs de recherche
Pr. Dr. ĐINH HỒNG VÂN
Pr. Dr. FATIMA CHNANE-DAVIN**

HANOI - 2025

La recherche a été achevée à l'Université de Langue et d'Études Internationales, Université Nationale du Vietnam à Hanoi.

Directeur de recherche : Pr. Dr. ĐINH HỒNG VÂN

Rapporteur 1:

.....

Rapporteur 2:

.....

Rapporteur 3:

.....

La thèse sera défendue devant le Jury réuni à.....

.....

.....

GIỚI THIỆU

1. Lý do lựa chọn

Thách thức của việc dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ ở Việt Nam rất lớn và phức tạp. Nó không chỉ đơn thuần là truyền tải một ngôn ngữ, mà còn là tạo dựng mối liên kết giữa hai nền văn hóa, nắm bắt những đặc thù của từng hệ thống giáo dục, và đáp ứng kỳ vọng của một đối tượng không nói cùng một ngôn ngữ hoặc không cùng một ngôn ngữ.

Nghiên cứu của chúng tôi xuất phát từ bối cảnh này với tham vọng góp phần hiểu rõ hơn những thách thức của việc dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ tại Việt Nam. Ngay từ đầu, chúng tôi không đặt mục tiêu thu thập một bộ sưu tập đầy đủ các phương pháp giảng dạy tốt nhất cho sinh viên Việt Nam. Một nỗ lực như vậy sẽ là một nhiệm vụ khổng lồ, tương xứng với sự đa dạng và đặc thù văn hóa của đất nước. Tuy nhiên, thông qua quá trình nghiên cứu nghiêm ngặt, chúng tôi muốn quan sát và thu thập những kiến thức chuyên môn vững chắc, tương xứng với những trao đổi không chính thức trước đây với các đồng nghiệp, và chính thức hóa chúng.

Luận án này trình bày một số câu hỏi thường gặp ở Việt Nam và được chúng tôi khái quát hóa như sau: nhu cầu của giáo viên Pháp khi tương tác với học sinh Việt Nam là gì? Liệu phương pháp “Phản ứng Tích cực” có thể áp dụng trong bối cảnh này để quan sát định tính các hoạt động giảng dạy? Làm thế nào chúng ta có thể thiết lập một phương pháp hiệu quả để khái quát hóa các hoạt động tích cực được quan sát thấy ở giáo viên Việt Nam và đo lường tác động cụ thể của chúng trên thực tế?

Do đó, chúng tôi đã đặt câu hỏi về các phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất, nhu cầu cụ thể của giáo viên và học sinh, cũng như các cách thức thúc đẩy trao đổi và hợp tác giữa các bên liên quan. Chúng tôi đã chọn áp dụng phương pháp định tính, tập trung vào việc quan sát các hoạt động trên lớp và phân tích diễn ngôn của giáo viên bằng cách xây dựng công việc xoay quanh việc xác định nhu cầu của giáo viên tiếng Pháp (quản lý lớp học, thích nghi văn hóa và ngôn ngữ, ngữ âm, ngữ điệu, v.v.), việc áp dụng Phương pháp Biến đổi Tích cực (Positive Deviance) vào bối cảnh Việt Nam dưới tên gọi Khác biệt Tích cực (Positive Difference), việc làm nổi bật các hoạt động hiệu quả và có thể chuyển đổi, hướng dẫn với người đóng thế và phỏng vấn

các chuyên gia. Nhờ đó, chúng tôi đã có thể đưa ra các hoạt động sư phạm và giảng dạy từ giới chuyên môn Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của các vấn đề liên văn hóa trong việc giảng dạy Ngôn ngữ Tiếng Pháp (FLE).

Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét các khía cạnh văn hóa và xã hội của việc học tập tại Việt Nam, đồng thời chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ lý thuyết hành động chung, cho phép chúng tôi phân tích các tương tác trong lớp học như những quá trình đồng kiến tạo kiến thức. Cuối cùng, phương pháp lệch lạc tích cực, được chúng tôi áp dụng vào nghiên cứu tại Việt Nam, đã cung cấp cho chúng tôi một khuôn khổ phân tích độc đáo để xác định các thực hành đổi mới và các yếu tố thành công.

Mục tiêu của chúng tôi không phải là đề xuất một danh mục đầy đủ các thực hành tốt, mà là xác định những yếu tố then chốt góp phần vào sự thành công của việc giảng dạy ngoại ngữ (FLE) tại Việt Nam. Chúng tôi ưu tiên phương pháp tiếp cận định tính, dựa trên quan sát, trao đổi chính thức và không chính thức, điều tra và phân tích tài liệu, nhằm nắm bắt càng nhiều khía cạnh càng tốt về tính phức tạp của các hiện tượng được nghiên cứu. Công việc của chúng tôi là một phần của quan điểm nghiên cứu hành động, nhằm góp phần cải thiện thực hành giảng dạy trong lĩnh vực này và nghiên cứu về giảng dạy ngôn ngữ, bằng cách làm nổi bật những thách thức và cơ hội liên quan đến việc xem xét các đặc thù văn hóa và ngôn ngữ, cũng như việc phân tích các biểu hiện của giáo viên và học sinh.

Nó cũng mở ra những góc nhìn nghiên cứu mới, chẳng hạn như tác động của cộng đồng thực hành và chia sẻ kinh nghiệm đối với sự phát triển chuyên môn của giáo viên và khả năng chuyển đổi Sự khác biệt tích cực sang các bối cảnh văn hóa khác.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đến Hà Nội vào năm 2017 để giảng dạy, thông qua nhiều cuộc thảo luận với các giáo viên người Pháp có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại Việt Nam và các giáo viên Việt Nam, chúng tôi hiểu rằng phương pháp của chúng tôi chưa tối ưu và tôi cũng như các đồng nghiệp đã gặp khó khăn khi phải đối mặt với những học sinh Việt Nam mà không thực sự biết phải phản hồi như thế nào.

Nhận thấy điều này, chúng tôi muốn nhấn mạnh những giáo viên Việt Nam giàu kinh nghiệm có thể đóng góp gì vào việc phát triển sự trao đổi giữa giáo viên Pháp và Việt Nam.

Vì vậy, xét về mặt lý thuyết, chúng tôi muốn thiết lập một phương pháp để thu thập dữ liệu và đào tạo giáo viên tiếng Pháp trong bối cảnh đa ngôn ngữ.

Về mặt thực tiễn, chúng tôi mong muốn đóng góp vào việc tăng cường trao đổi chuyên môn giữa giáo viên Pháp và Việt Nam trong bối cảnh giảng dạy tiếng Pháp tại Việt Nam.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Với suy nghĩ này, chúng tôi đã đặt ra những câu hỏi nghiên cứu sau:

- Giáo viên tiếng Pháp cảm thấy cần những gì khi tiếp xúc với nhóm học sinh Việt Nam?
- Liệu phương pháp Positive Deviance có phải là phương pháp phù hợp để quan sát định tính giáo viên ở Việt Nam không?
- Làm thế nào chúng ta có thể triển khai phương pháp luận về sự lệch lạc tích cực để khái quát hóa cho các giáo viên không phải người Việt Nam những thực hành tích cực được quan sát thấy ở các giáo viên khác và đo lường tác động của chúng trong lĩnh vực nghiên cứu can thiệp?

4. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên các câu hỏi nghiên cứu, chúng tôi đã xây dựng các giả thuyết sau:

1. Nhu cầu của giáo viên tiếng Pháp giảng dạy tại IFVHN chịu ảnh hưởng bởi văn hóa, ngôn ngữ và kỳ vọng của học sinh Việt Nam.
2. Sự không phù hợp của độ lệch tích cực đối với nghiên cứu trong SHS được giải thích là do không thể đồng thời xây dựng độ lệch tích cực như một công cụ định tính và trả lại kết quả nghiên cứu cho các quần thể được nghiên cứu.
3. Positive Deviance được điều chỉnh để nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh Việt Nam

có thể cung cấp các yếu tố sư phạm và giảng dạy nhằm giảm thiểu sự thiếu hụt về kỹ năng liên văn hóa và liên ngôn ngữ của giáo viên FLE tại Viện Pháp tại Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi được đặt trong bối cảnh giảng dạy FLE tại Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng phương pháp độ lệch dương trong "khác biệt dương" để áp dụng phương pháp định tính, dựa trên quan sát không tham gia, phân tích tài liệu, khảo sát giáo viên và phỏng vấn chuyên gia.

Công trình này giúp xác định những nhu cầu cụ thể của giáo viên tiếng Pháp làm việc tại Việt Nam trước khi thu thập và sau đó làm nổi bật các hoạt động sư phạm và giảng dạy được giáo viên Việt Nam áp dụng để đáp ứng những nhu cầu này.

Kết quả của nghiên cứu này sẽ chứng minh giá trị của việc tính đến các đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ của học sinh, sự phát triển các kỹ năng liên văn hóa giữa giáo viên, sự hợp tác giữa các giáo viên và việc sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau.

Chúng tôi mong muốn làm sáng tỏ những thách thức của việc giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ trong bối cảnh liên văn hóa và sử dụng phương pháp Khác biệt Tích cực như một công cụ để phân tích và cải thiện thực hành giảng dạy. Chúng tôi cũng mong muốn mở ra những góc nhìn nghiên cứu mới, đặc biệt là về tác động của các cộng đồng thực hành và việc khái quát hóa Khác biệt Tích cực sang các bối cảnh khác.

6. Phân định công việc

Nghiên cứu của chúng tôi là một phần của việc điều chỉnh Phương pháp Nghiên cứu Sự Lệch Lạc Tích Cực (Positive Deviance) cho phù hợp với bối cảnh sử dụng, cũng như việc thu thập các phương pháp thực hành nghề nghiệp mới, giúp làm phong phú thêm phương pháp thực hành của giáo viên tiếng Pháp dạy môn Ngữ văn (FLE). Để thực hiện nghiên cứu này một cách rõ ràng, cần phải xác định rõ khuôn khổ của nó.

Đầu tiên, chúng tôi loại trừ các giáo viên FLE không phải người Việt Nam và không phải người Pháp khỏi lĩnh vực nghiên cứu của mình để có được sự đồng nhất về văn hóa trong giảng dạy và học tập.

Sau đó, mặc dù các chuyên gia được phỏng vấn đến từ khắp Việt Nam, chúng tôi vẫn giới hạn nghiên cứu của mình ở thành phố Hà Nội, vì cho rằng học sinh và giáo viên của họ có thể gặp phải những khó khăn riêng của họ.

Cuối cùng, chúng tôi giới hạn quan sát của mình vào Khoa tiếng Pháp của Đại học Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội, vì đây là nơi chúng tôi đang làm luận án và đây là trường đại học quan trọng nhất cả nước. Tuy nhiên, chúng tôi không loại trừ khả năng sẽ nghiên cứu ở các lĩnh vực khác trong tương lai.

7. Kế hoạch luận án

Luận văn của chúng tôi được cấu trúc xung quanh ba phần: Phần đầu tiên, với tựa đề "Bối cảnh Ngôn ngữ của việc Giảng dạy Tiếng Pháp như một Ngoại ngữ tại Việt Nam", mở đầu bằng việc khám phá những khía cạnh đa dạng định hình việc học và giảng dạy tiếng Pháp tại Việt Nam. Phần này mở đầu bằng một phân tích chuyên sâu về tình hình ngôn ngữ xã hội Việt Nam, làm nổi bật sự phong phú về địa lý ngôn ngữ của lãnh thổ, sự phát triển lịch sử của tiếng Việt, và sự trỗi dậy của tiếng Anh như ngôn ngữ thống trị trong các lĩnh vực giáo dục và kinh tế. Vai trò lịch sử của tiếng Pháp, từ thời kỳ thuộc địa đến thời kỳ đương đại, đánh dấu sự hồi sinh của công cuộc Đổi mới, cũng được trình bày, làm nổi bật những chuyển biến về vị thế của nó trong xã hội Việt Nam.

Sau đó, bài viết thảo luận về toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam, trước khi tập trung vào chính sách ngôn ngữ liên quan đến tiếng Pháp, tiết lộ những nỗ lực của các tổ chức nhằm duy trì sự hiện diện của tiếng Pháp trong bối cảnh cạnh tranh ngôn ngữ ngày càng gia tăng.

Chương thứ hai tập trung vào việc đào tạo giáo viên tiếng Pháp (FLE), so sánh các hệ thống ở Pháp, Việt Nam và trong Viện Pháp tại Việt Nam (IFVHN). Chương này nêu bật sự khác biệt trong đào tạo, những thách thức của việc chuyên nghiệp hóa và những nhu cầu cụ thể gắn liền với bối cảnh địa phương.

Cuối cùng, Chương Ba trình bày một khảo sát thăm dò được thực hiện với các giáo viên tiếng Pháp tại IFVHN. Khảo sát này xem xét hồ sơ, kỳ vọng của họ về đào tạo, và động lực của chúng tôi với tư cách là nhà nghiên cứu khi lựa chọn chủ đề này. Kết quả cho phép chúng tôi xác định các giả thuyết nghiên cứu và đặt nền móng cho việc xem xét các điều kiện giảng dạy tiếng Pháp trong một môi trường đa ngôn ngữ

và không ngừng phát triển.

Phần đầu tiên này do đó tạo thành nền tảng thiết yếu để hiểu được động lực ngôn ngữ, giáo dục và nghề nghiệp ảnh hưởng đến việc giảng dạy FLE ở Việt Nam.

Phần thứ hai của công trình này, có tựa đề "Khám phá các khuôn khổ lý thuyết để điều chỉnh việc giảng dạy FLE tại Việt Nam", đưa ra những suy ngẫm sâu sắc về nền tảng khái niệm có khả năng làm phong phú và ngữ cảnh hóa việc giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ trong môi trường Việt Nam có sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa.

Chương đầu tiên tập trung vào việc so sánh các loại hình ngôn ngữ giữa tiếng Pháp và tiếng Việt, xem xét những khác biệt về hình thái, từ vựng, ngữ âm, âm điệu và cú pháp. Phân tích này cho phép chúng ta hiểu rõ hơn những trở ngại và đòn bẫy trong việc học ngoại ngữ (FLE) của người nói tiếng Việt. Chương này cũng đề cập đến những thách thức của việc dịch thuật, dựa trên lý thuyết diễn giải và đặt câu hỏi cho người tiếp nhận bản dịch từ góc độ sự phạm và từ góc độ phát triển một hình thái mới cho sự lệch lạc tích cực.

Chương thứ hai giới thiệu khái niệm lệch lạc tích cực như một công cụ thích ứng sự phạm. Chương này khám phá cách giáo viên có thể khai thác những đặc thù văn hóa và ngôn ngữ của học sinh Việt Nam để làm phong phú thêm bài giảng. Việc sử dụng từ mượn, phát triển năng lực liên văn hóa, và vai trò của giáo viên như một trung gian văn hóa đều được xem xét. Lệch lạc tích cực được trình bày như một chiến lược đổi mới để biến những khác biệt thành nguồn lực giáo dục.

Chương ba tập trung vào việc học tập tổ chức và tác động của nó đến giao tiếp liên văn hóa và hành động của giáo viên. Chương này phân tích các cơ chế tương tác ngôn ngữ, nghi lễ xã hội, sự chuyên đổi bản sắc liên quan đến việc học ngôn ngữ, cũng như tư thế nghề nghiệp của giáo viên trong bối cảnh tiếng Việt. Lý thuyết hành động chung trong sự phạm được vận dụng để hiểu cách giáo viên có thể cùng kiến tạo kiến thức với học sinh. Cuối cùng, việc học tập được xem xét ở nhiều cấp độ (cá nhân, tập thể và tổ chức), với văn hóa là trung tâm của những động lực này.

Phần thứ hai này cung cấp một khuôn khổ lý thuyết phong phú và đa dạng để suy nghĩ về các phương pháp giảng dạy FLE nhằm thúc đẩy phương pháp sự phạm và giảng dạy phù hợp với thực tế Việt Nam, biến sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa thành cơ hội giáo dục.

Phần thứ ba, mang tên "Khung Phương pháp", trình bày những lựa

chọn khoa học và thực tiễn đã định hướng nghiên cứu của chúng tôi, liên quan đến việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy FLE cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Phần này được cấu trúc xung quanh ba chương bổ sung, cho phép chúng tôi hiểu cách dữ liệu được thu thập, phân tích và chuyển thành các đề xuất sư phạm.

Chương đầu tiên trình bày phương pháp luận được áp dụng. Phương pháp này dựa trên việc chuyển đổi khái niệm lệch lạc tích cực thành một công cụ nghiên cứu trung tâm. Khái niệm này được điều chỉnh và đổi tên nhờ lý thuyết diễn giải phiên dịch để phù hợp hơn với thực tế văn hóa Việt Nam. Chương này trình bày chi tiết các phương pháp thu thập dữ liệu, các công cụ quan sát được sử dụng và lý giải việc lựa chọn không sử dụng phỏng vấn tự do chiếu, nhằm bảo tồn tính tự phát của các thực hành được quan sát.

Chương thứ hai mô tả giai đoạn quan sát và thu thập dữ liệu. Mục tiêu của chương này là xây dựng một biểu diễn mới về sự lệch lạc tích cực dựa trên thực tiễn giảng dạy. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải được xác định và một lưới phân tích khóa học được xây dựng theo các tiêu chí cụ thể. Kho dữ liệu được biên soạn từ các quan sát được thực hiện tại hai cơ sở: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Việt Nam và Viện Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp (IFVHN). Chương này cũng bao gồm một cuộc khảo sát về các biểu hiện chuyên môn của giáo viên tiếng Việt và tiếng Pháp, cũng như việc làm giàu kiến thức đồng đẳng, đặt câu hỏi về tính bổ sung giữa chuyên môn và đổi mới sư phạm. Những phản ánh chéo góp phần vào việc hiểu các vấn đề sư phạm.

Cuối cùng, chương thứ ba dành riêng cho phương pháp luận của hệ thống đào tạo được đề xuất. Chương này xem xét các phương pháp giảng dạy khác nhau (trình bày, minh họa, thảo luận, chủ động và thực nghiệm) trước khi lý giải lựa chọn phương pháp luận đã đưa ra. Chương này sau đó mô tả thiết kế của hệ thống, các mục tiêu và các giai đoạn của nó. Toàn bộ chương trình hướng đến việc phổ biến các phương pháp thực hành được điều chỉnh, phù hợp với bối cảnh và có thể chuyển giao.

Phần thứ ba này do đó tạo thành cơ sở phương pháp luận của nghiên cứu này, bằng cách trình bày lý thuyết, quan sát và triển khai sư phạm theo cách tiếp cận chặt chẽ và theo ngữ cảnh.

Phần thứ tư của công trình này, mang tên "Phân tích Dữ liệu", là cốt lõi thực nghiệm của nghiên cứu. Phần này cung cấp kết quả từ các

quan sát, khảo sát và phỏng vấn được thực hiện với giáo viên dạy tiếng Anh (FLE) tại Việt Nam, nhằm mục đích tinh chỉnh hiểu biết về thực tiễn giảng dạy và xây dựng các đề xuất cụ thể để điều chỉnh phương pháp giảng dạy.

Chương đầu tiên tập trung vào việc xác định một biểu diễn mới cho độ lệch chuẩn dương, dựa trên kết quả tạm thời và phân tích chi tiết dữ liệu thu thập được. Khái niệm này, trọng tâm của nghiên cứu, được điều chỉnh lại để phù hợp hơn với thực tế tại Việt Nam.

Chương thứ hai so sánh những nhu cầu của giáo viên Pháp với thực tiễn quan sát được ở các đồng nghiệp Việt Nam. Thông qua khảo sát thăm dò, quan sát lớp học và phân tích lỗi của học sinh, chương này làm nổi bật những khoảng trống, sự bổ sung và những điều chỉnh có thể có trong thực tiễn giảng dạy.

Chương ba giới thiệu phương pháp giảng dạy song song, áp dụng cho giáo viên Việt Nam và Pháp, nhằm hiểu rõ hơn về biểu hiện nghề nghiệp của họ. Kết quả và phân tích cho phép chúng tôi xác định các tư thế sư phạm.

Chương thứ tư đề xuất một sự chuyển đổi các chiến lược đã quan sát được, tập trung vào quản lý lớp học, quản lý nội dung (ngữ âm, ngữ điệu, ngữ pháp) và phát triển năng lực đa văn hóa. Mục tiêu ở đây là chuyển đổi những quan sát thành các hành động cụ thể.

Chương năm trình bày các buổi tham vấn được thực hiện với các chuyên gia trong lĩnh vực này. Những cuộc phỏng vấn này làm phong phú thêm bài viết bằng cách cung cấp góc nhìn từ bên ngoài về kết quả đạt được và những thách thức trong đào tạo.

Chương sáu tập hợp các yếu tố cần thiết cho việc xây dựng một hệ thống đào tạo sau này được gọi là "Cross-Reflections". Chương này xác định nhu cầu của giáo viên, đề xuất các mô-đun chuyên đề (động lực của học sinh, công cụ giảng dạy, khó khăn, thực hành tốt, đánh giá) và phác thảo các đường nét của đào tạo theo ngữ cảnh và đào tạo vận hành.

Cuối cùng, chương thứ bảy trình bày những phát hiện của giáo viên dựa trên những phản hồi chung. Phản hồi này cho phép xác thực một số giả thuyết và điều chỉnh các đề xuất dựa trên thực tế.

Phần thứ tư này cung cấp một phân tích phong phú và có cấu trúc, trình bày dữ liệu thực nghiệm và quan điểm giảng dạy theo cách tiếp cận đồng xây dựng và cải tiến liên tục các hoạt động giảng dạy FLE tại Việt Nam.

PHẦN 1: BỐI CẢNH NGÔN NGỮ CỦA VIỆC GIẢNG DẠY FLE Ở VIỆT NAM

1. Tình hình ngôn ngữ xã hội của Việt Nam

Bất chấp di sản lịch sử của nó tại Việt Nam và những nỗ lực không ngừng của các đối tác quốc tế trong ba mươi năm qua, việc dạy tiếng Pháp đang suy giảm, chủ yếu cạnh tranh với tiếng Anh và, ở mức độ thấp hơn, với các ngôn ngữ khác. Trong bối cảnh việc học ngoại ngữ được coi là một khoản đầu tư tài chính cho tương lai của trẻ em, tiếng Anh, môn học bắt buộc từ tiểu học đến đại học, chiếm ưu thế lớn: khoảng 18 triệu người học (chiếm 19% dân số), so với 40.000 người học tiếng Pháp (chiếm 0,7% học sinh trung học).

Tuy nhiên, khi trình độ tiếng Anh trở nên phổ biến, tiếng Pháp có thể lấy lại sức hấp dẫn, mang đến cơ hội tiếp cận đặc quyền với cộng đồng Pháp ngữ và các cơ hội quốc tế. Tuy nhiên, sự phát triển của tiếng Pháp đang gặp phải những trở ngại, chẳng hạn như chi phí giáo dục cao, giờ làm việc quá tải và nhu cầu học thêm. Như Giáo sư Trần Bình nhấn mạnh, các bên liên quan và đối tác giáo dục nói tiếng Pháp cần chung tay nỗ lực để đào tạo thế hệ người Việt Nam nói tiếng Pháp mới, có khả năng duy trì tiếng Pháp như một ngôn ngữ giao tiếp, chuyên nghiệp và quốc tế trong khu vực, bất chấp sự cạnh tranh ngày càng gia tăng.

Kể từ khi đất nước mở cửa vào năm 1986, Đại sứ quán Pháp đã tăng cường nỗ lực quảng bá tiếng Pháp. Mặc dù việc một số đối tác rút lui đã làm suy yếu sự lan tỏa của ngôn ngữ và ảnh hưởng văn hóa Pháp, nhưng cách tiếp cận hiện tại mang tính định tính hơn thông qua các học bổng hỗ trợ di chuyển và các ưu đãi cho người thụ hưởng trở về nhằm củng cố sự hiện diện của người nói tiếng Pháp ở các vị trí chiến lược, cải thiện việc giảng dạy và đảm bảo sự gắn kết lâu dài của tiếng Pháp tại Việt Nam.

2. Đào tạo giáo viên FLE

Đào tạo giáo viên không đồng đều trên toàn thế giới, vì vậy chúng tôi đã tìm hiểu những đặc thù của đào tạo giáo viên FLE tại Việt Nam, Pháp và trong các tình huống chuyên nghiệp, theo góc nhìn thực tiễn nhằm thiết kế bối cảnh giảng dạy phù hợp hơn là một chương trình được xác định trước.

Tại Pháp, giáo viên FLE có trình độ ngôn ngữ và kiến thức tổng quát

vững chắc (Pháp ngữ, mạng lưới, chính sách ngôn ngữ, phương pháp luận, CNTT), nhưng thiếu các công cụ giảng dạy phù hợp với đối tượng học viên mà họ sẽ gặp trên toàn thế giới, khiến việc thích nghi với các chương trình và phương pháp đã được thiết lập trở nên khó khăn. Tại Việt Nam, giáo viên được hưởng lợi từ việc đào tạo ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy, cho phép họ xác định những khó khăn của người học, nhưng kiến thức của họ về các khía cạnh văn hóa Pháp và Pháp ngữ cũng như các vấn đề chính trị của Pháp ngữ vẫn còn hạn chế.

Các chương trình thạc sĩ ở Pháp, với trọng tâm là phổ quát, gặp khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ mẹ đẻ và bối cảnh văn hóa xã hội. Trong khi đó, ở Việt Nam, việc thiếu tầm nhìn toàn cầu và một số lỗ hổng về phương pháp giảng dạy làm giảm khả năng phản biện. Ở cả hai quốc gia, việc thiếu đào tạo chuyên biệt cho bối cảnh Việt Nam vẫn tồn tại từ bậc đại học trở đi và không được bù đắp bằng đào tạo tại chức. Hệ thống hiện tại ưu tiên hoạt động theo mô hình kim tự tháp (từ các trường đến giáo viên địa phương) gây bất lợi cho việc trao đổi ngang hàng giữa giáo viên Pháp và Việt Nam.

Tình hình này đòi hỏi phải đổi mới chương trình đào tạo đại học và thiết lập các khóa đào tạo chuyên sâu, có khả năng chuẩn bị cho giáo viên về những đặc thù ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng Việt Nam. Việc chuẩn bị như vậy sẽ giúp dự đoán tốt hơn những khó khăn, sử dụng tài liệu phù hợp hơn và giảng dạy phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.

3. Khảo sát thăm dò và phát hiện về hồ sơ của giáo viên FLE tại IFV

Chương này quay trở lại nguồn gốc suy tư của chúng tôi và tính độc đáo của luận án, được hình thành như một công trình trí tuệ độc đáo, được đánh dấu bởi cả đóng góp cá nhân của chúng tôi với tư cách là nhà nghiên cứu lẫn di sản khoa học của các công trình trước đó. Tính độc đáo được khẳng định nằm ở khả năng kết hợp những phát hiện từ các tài liệu hiện có và dữ liệu thực nghiệm thu thập được, phù hợp với yêu cầu về tính mới mẻ đặc thù của tất cả các nghiên cứu tiến sĩ.

Việc trình bày tình hình sự phạm của IFVHN và kết quả của hai cuộc khảo sát thăm dò đã giúp xác định được vấn đề cốt lõi: các giáo viên của IFVHN cho rằng chương trình đào tạo ban đầu hoặc liên tục của họ không chuẩn bị cho họ để giảng dạy FLE tại Việt Nam và bày tỏ

nhu cầu hỗ trợ cụ thể để giảng dạy trong bối cảnh đa ngôn ngữ. Để giải quyết nhu cầu thích ứng này, giải pháp được đề xuất là chuyển giao kỹ năng từ giáo viên Việt Nam sang giáo viên nước ngoài. Về lý thuyết, Positive Deviance dường như là một công cụ phù hợp để thúc đẩy sự chuyển giao này, nhưng việc sử dụng nó trong khoa học xã hội và nhân văn đặt ra những câu hỏi về đạo đức. Do đó, luận án tìm cách đánh giá tính phù hợp của nó với bối cảnh và đề xuất một ứng dụng đáp ứng kỳ vọng của giáo viên nước ngoài, đồng thời duy trì chất lượng mối quan hệ chuyên môn với các đồng nghiệp Việt Nam.

PHẦN 2: KHÁM PHÁ KHUNG LÝ THUYẾT CHO VIỆC THÍCH NGHI GIẢNG DẠY FLE Ở VIỆT NAM

1. So sánh và dịch thuật ngôn ngữ

Về mặt hình thái, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, không biến cách, trong khi tiếng Pháp là ngôn ngữ tổng hợp và có nhiều biến cách trong văn viết. Sự khác biệt này khiến ngữ pháp tiếng Pháp đặc biệt khó đối với người học tiếng Việt, những người phải ghi nhớ nhiều dạng biến cách. Về mặt từ vựng, hai ngôn ngữ khác nhau ở cách biểu đạt chuyển động: tiếng Việt, một ngôn ngữ có khung vệ tinh, biểu thị hướng bằng một tiểu từ, trong khi tiếng Pháp, một ngôn ngữ có khung động từ, tích hợp tiểu từ vào động từ. Về mặt ngữ âm, tiếng Việt là ngôn ngữ thanh điệu, sử dụng cao độ, trường độ và cường độ để phân biệt nghĩa, trong khi tiếng Pháp, không có thanh điệu, dựa vào trọng âm và ngữ điệu. Về mặt cú pháp, mặc dù cả hai ngôn ngữ đều là SVO, tiếng Việt có thể sử dụng các dạng SO hoặc OV, trong khi tiếng Pháp thường sử dụng các dạng SOV hoặc OVS trong một số ngữ cảnh nhất định.

Kết quả khảo sát thăm dò giáo viên tiếng Pháp tại IFV cho thấy những khó khăn mà người học tiếng Việt gặp phải không chỉ liên quan đến phát âm và ngữ điệu, mà còn cả hình thái, cú pháp và âm vị học. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của một phương pháp tiếp cận tích hợp những khác biệt văn hóa và phong cách đặc trưng của mỗi ngôn ngữ như những yếu tố của sự phát triển.

Do đó, việc dịch một bản dịch đại diện phải tính đến các chuẩn mực xã hội, giá trị và cách sử dụng ngôn ngữ để cung cấp một công cụ biểu đạt hữu ích, phù hợp với cả nhà nghiên cứu và người thực hành, đồng thời có khả năng lường trước những rủi ro về việc không đủ điều kiện về mặt ngôn ngữ. Việc thiếu một phương pháp phổ quát đòi hỏi phải khám phá một số chiến lược.

2. Sự lệch lạc tích cực như một công cụ để điều chỉnh việc giảng dạy FLE ở Việt Nam

Chương này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lấy người học làm trung tâm, theo khuyến nghị của CEFRL, trong bối cảnh người học đang tham gia bài kiểm tra xếp lớp. Việc thích nghi với hồ sơ ngôn ngữ có thể dựa đáng kể vào việc sử dụng các từ mượn tiếng Việt-Pháp, làm nổi bật lịch sử chung và sự đa nghĩa văn hóa, đồng thời thúc đẩy quá trình học tập hai giai đoạn: mất phương hướng tiếp theo là làm quen,

tích hợp các khía cạnh của bối cảnh, thời gian và không gian.

Việc tập trung vào sinh viên Việt Nam được thực hiện như một sự dự đoán trước những câu hỏi của họ, chứ không phải là một phản ứng đơn thuần trước những hiểu lầm của họ. Để thu thập những yếu tố cần thiết cho sự hiểu biết này, phương pháp "Sự lệch lạc tích cực" được xem xét như một giải pháp thay thế cho các phương pháp truyền thống về thay đổi xã hội hoặc nghề nghiệp. Dựa trên các giải pháp được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh và được chính các bên thực hiện, phương pháp này hướng đến sự thay đổi bền vững và lan tỏa.

Tuy nhiên, "Sự lệch lạc tích cực" có những hạn chế về phương pháp luận và đạo đức, đòi hỏi sự nghiêm ngặt và thích nghi. Bản thân thuật ngữ "sự lệch lạc" có thể gây ra nhiều vấn đề tùy thuộc vào các chuẩn mực xã hội, có nguy cơ bị gán nhãn tiêu cực trong trường hợp diễn giải hoặc dịch sai. Do đó, trong khoa học xã hội và nhân văn, việc sử dụng thuật ngữ này phải được đánh giá theo bối cảnh xã hội, để tránh bất kỳ tương tác tiêu cực nào với nhóm dân số được nghiên cứu.

Suy ngẫm này dẫn đến việc xem xét việc chuyển thể Positive Deviance bằng cách dịch đại diện của nó sang tiếng Việt, đặc biệt chú ý đến đối tượng mục tiêu và phương pháp dịch.

3.Học tập tổ chức phục vụ cho hoạt động giảng dạy và giao tiếp liên văn hóa

Ở đây, chúng tôi đã đề cập đến các nguyên tắc chỉ đạo của giao tiếp liên văn hóa. Những khoảng cách trong diễn giải giữa người Pháp và người Việt, liên quan đến các nghi thức giao tiếp khác biệt về văn hóa, có thể gây ra hiểu lầm. Những tình huống này ảnh hưởng đến bản thân và cái tôi của mỗi cá nhân, đôi khi dẫn đến việc họ áp dụng các hành vi rập khuôn, theo quan sát của Bateson và Ruesch (1988).

Phân tích được thực hiện nhấn mạnh rằng mỗi nền văn hóa đều có những yếu tố riêng và đang phát triển, không có yếu tố nào có thể quy giản thành một mô hình phổ quát (Abdallah-Pretceille, 1983). Mục tiêu không phải là tìm kiếm những yếu tố bất biến, mà là làm nổi bật những yếu tố nổi bật đặc trưng của mỗi nền văn hóa. Do đó, kiến thức về các khuôn khổ văn hóa nhất định cho phép hiểu rõ hơn về hành vi của học sinh và dự đoán phản ứng của họ. Giao tiếp liên văn hóa, một quá trình phức tạp và năng động, đòi hỏi các kỹ năng nhận thức, tình cảm và hành vi, cùng với sự nhạy cảm có khả năng tôn trọng sự đa dạng trong khi vẫn bảo tồn tính toàn vẹn của nó.

Trong bối cảnh này, vai trò của giáo viên bao gồm hai nhiệm vụ chính và sáu tư thế được xác định bởi Lý thuyết Hành động Chung trong Dạy học (TACD). Việc phân tích các vấn đề liên văn hóa phải đi kèm với việc xem xét lại các tư thế này, bởi vì việc từ chối điều chỉnh phương pháp giảng dạy của mình với lý do muốn học sinh thích nghi với văn hóa Pháp sẽ đi ngược lại hợp đồng dạy học, dựa trên việc cùng nhau xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc học. Các công cụ rút ra từ TACD mở đường cho việc điều chỉnh nội bộ phương pháp dạy học FLE, tùy theo khả năng thích ứng của học sinh.

IFV được người học coi là một tổ chức chuyên gia, với đội ngũ giáo viên am hiểu những thách thức của họ và được trang bị để đáp ứng. Việc truyền tải và ứng dụng kiến thức đòi hỏi một tổ chức có khả năng trân trọng những cá nhân sáng tạo và phổ biến các hoạt động của họ trong một môi trường thuận lợi, theo một quy trình dựa trên vòng phản hồi giữa khám phá cá nhân và đền đáp tập thể.

PHẦN 3: KHUNG PHƯƠNG PHÁP

1. Hỏi Phương pháp tiếp cận nào?

Chúng tôi trình bày quá trình phát triển một mô hình thu thập dữ liệu nhằm tạo ra một danh mục các công cụ giảng dạy hiệu quả có thể chuyển giao cho giáo viên tiếng Pháp. Phương pháp tiếp cận Positive Deviance (Độ lệch tích cực) được lựa chọn vì nó có khả năng phát hiện những yếu tố bất ngờ và phù hợp trong việc tìm kiếm hiệu quả ngữ cảnh, giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn của những người trong lĩnh vực này. Mục tiêu không phải là so sánh phương pháp sư phạm mà là xác định những gì một số giáo viên Việt Nam coi trọng trong thực hành của họ.

Các quan sát, được thực hiện mà không cần quay video, nhằm mục đích làm nổi bật những đặc điểm riêng biệt trong hành động của giáo viên và phát hiện những phương pháp tiếp cận rõ ràng hoặc ngầm định ban đầu. Các yếu tố được ghi nhận bằng lưới phân tích, bổ sung bằng các cuộc thảo luận không chính thức khi các phương pháp thực hành trở nên khác thường. Phương pháp này nhằm mục đích mô tả các chiến lược mà giáo viên áp dụng và đặt chúng vào khuôn khổ văn hóa Việt Nam, từ đó có khả năng cung cấp những hình ảnh dễ hiểu hơn cho người học.

Khoảng cách ngôn ngữ và văn hóa giữa tiếng Pháp và tiếng Việt đã tạo ra một bối cảnh đặc biệt thuận lợi cho việc quan sát và làm nổi bật các phương pháp tiếp cận mới. Việc sử dụng phương pháp Nghiên cứu Độ lệch Tích cực (Positive Deviance) làm phương pháp thu thập dữ liệu đã được chứng minh, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh phương pháp này cho phù hợp với bối cảnh. Giai đoạn quan sát và thu thập, được trình bày trong chương sau, sẽ giới thiệu phương pháp đào tạo sẽ được phát triển sau đó.

2. Giai đoạn quan sát và thu thập dữ liệu

Chúng tôi đã quan sát 22 giáo viên Việt Nam trong tổng thời gian 358 giờ 55 phút, phân tích các phương pháp giảng dạy khác nhau: so sánh các loại hình ngôn ngữ, việc sử dụng hay không sử dụng tiếng Việt, và phương pháp giảng dạy. Những quan sát này, được thực hiện tùy thuộc vào khả năng và sự đồng thuận của các giáo viên, không phải lúc nào cũng liên quan đến cùng một trình độ, một số được dành riêng

cho các giáo viên khác.

Việc sử dụng Google Forms đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu nhanh chóng từ một lượng lớn các nhà nghiên cứu Việt Nam, những người hiếm khi có mặt để khảo sát trực tiếp, và một số thiết bị thu thập đã được đưa vào sử dụng: bảng câu hỏi dành cho giáo viên tiếng Pháp và tiếng Việt (bao gồm cả trong bối cảnh giảng dạy song ngữ), lưới quan sát và phân tích, hướng dẫn phỏng vấn dành cho chuyên gia và các công cụ để thu thập phản biện.

Nghiên cứu của chúng tôi bao gồm hai giai đoạn: xác định các thực hành đổi mới và phân tích chuyên sâu với sự xác thực của chuyên gia. Mặc dù Positive Difference không yêu cầu ý kiến chuyên gia, nhưng đóng góp của họ làm phong phú thêm hiểu biết và củng cố tính vững chắc của kết quả thông qua các phân tích phê bình và góc nhìn đa chiều.

Những hành động này nhằm mục đích điều chỉnh phương pháp thu thập của chúng tôi theo yêu cầu của các câu hỏi nghiên cứu.

3. Phương pháp của hệ thống đào tạo

Các cuộc khảo sát được tiến hành đã thu thập được một lượng dữ liệu thực nghiệm đủ lớn để hướng dẫn các lựa chọn phương pháp luận trong tương lai, giúp hiểu rõ hơn về những thách thức và nhu cầu của giáo viên FLE tiếng Pháp.

Chương này cũng trình bày các phương pháp đào tạo khác nhau được dự kiến, việc biên soạn và tích hợp chúng vào một phương pháp luận toàn cầu dựa trên Khác biệt Tích cực. Chương này cũng nêu rõ chiến lược phổ biến các phương pháp thực hành hướng đến giáo viên tiếng Pháp, cũng như công tác giáo dục mà chúng sẽ được liên kết.

Bài thuyết trình này mô tả thành phần nội dung được lên kế hoạch cho giai đoạn cuối cùng của việc triển khai Sự khác biệt tích cực, đảm bảo tính nhất quán giữa dữ liệu thu thập được, các lựa chọn về phương pháp và mục tiêu đào tạo.

PHẦN 4:PHẦN TÍCH DỮ LIỆU

1.Một đại diện mới cho Positive Deviance

Mối liên hệ giữa nghiên cứu khoa học và tiến bộ dân số không phải là điều tự nhiên hay được chấp nhận rộng rãi. Một số ví dụ, chẳng hạn như GMO hay mang thai hộ, cho thấy nghiên cứu có thể gây ra sự ngờ vực và phản đối. Để duy trì sự trung thành với khế ước xã hội gắn kết nó với xã hội, nghiên cứu phải lường trước và đánh giá hậu quả của công trình trong các ứng dụng trực tiếp của nó trong bối cảnh liên ngành.

Đạo đức nghiên cứu đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải duy trì mối quan hệ minh bạch và có trách nhiệm với công việc thực địa, tôn trọng phẩm giá của cá nhân và sự đồng thuận có hiểu biết. Trong khuôn khổ của Sự Lệch Lạc Tích Cực, vấn đề không chỉ nằm ở nội dung mà còn ở phạm vi của khái niệm: tính liên ngành và ứng dụng của nó trong khoa học nhân văn cho thấy những hạn chế và hàm ý đạo đức của nó. Thuật ngữ này đặt ra nhiều câu hỏi bởi vì thuật ngữ "lệch lạc" có thể bị hiểu sai, do đó cần được định nghĩa lại theo hướng xuyên văn hóa.

Bản dịch tiếng Việt "Sự khác biệt tích cực" được đánh giá là nhìn chung là đầy đủ theo lý thuyết dịch thuật diễn giải, mặc dù nó không tạo ra sự tương đương hoàn hảo và một người trả lời đã bác bỏ nó. Quá trình dịch thuật đã tạo ra một phiên bản được một nhóm hạn chế các nhà nghiên cứu chấp nhận, nhưng vẫn cần được xác nhận rộng rãi hơn từ những người không phải là nhà nghiên cứu để đánh giá mức độ chấp nhận về mặt xã hội và văn hóa của nó.

Công trình này minh họa nhu cầu dung hòa việc sử dụng phương pháp luận như Positive Deviance với trách nhiệm đạo đức của nhà nghiên cứu, có tính đến bối cảnh, công chúng và những tác động tiềm ẩn của phương pháp tiếp cận của ông.

2.Nhu cầu của người Pháp và hành động của giáo viên Việt Nam

Các quan sát và khảo sát được thực hiện trong số các giáo viên Việt Nam cho thấy một hành động giảng dạy tương đối đồng nhất, đó là tập hợp các hành động, bằng lời nói hoặc không bằng lời nói, nhằm truyền đạt kiến thức hoặc "sức mạnh kiến thức" cho một nhóm công chúng nhất định, với mục đích khơi dậy sự chuyển đổi về nhận thức hoặc hành vi.

Tuy nhiên, một số phương pháp đổi mới, chẳng hạn như sử dụng các

cụm từ ẩn danh hoặc sản phẩm viết hợp tác, vẫn có thể bù đắp cho việc thiếu sự tham gia của người học, mặc dù vẫn còn một số hạn chế. Khảo sát xác nhận sự mất cân bằng rõ rệt: kỹ năng viết (hiểu và sản phẩm) được rèn luyện nhiều hơn kỹ năng nói (hiểu và sản phẩm). Việc gần như chỉ sử dụng tiếng Việt làm giảm khả năng tiếp xúc với tiếng Pháp của học sinh, vì sản phẩm nói thường được sử dụng để kiểm tra khả năng hiểu các hoạt động viết.

Sự khác biệt về phương pháp được ghi nhận: IFVHN sử dụng phương pháp giao tiếp, trong khi Trường Đại học Ngoại ngữ và Nghiên cứu Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Việt Nam ưu tiên phương pháp hướng hành động, hạn chế tầm quan trọng của tương tác bằng lời nói. Các khảo sát được thực hiện đã giúp xác định và phân loại các chiến lược sư phạm và giảng dạy khác nhau, và tính phù hợp của chúng có thể được tinh chỉnh nhờ tư vấn chuyên môn.

3.Hướng dẫn cho người giống mình

Hai cuộc khảo sát được thực hiện cho thấy giáo viên tiếng Pháp dạy tiếng Pháp (FLE) gặp khó khăn cả về quản lý lớp học (thái độ của học sinh Việt Nam đối với họ và khối lượng công việc cần thiết) lẫn nội dung giảng dạy, đặc biệt là ngữ âm (cách phát âm âm vị, ngữ điệu, các khía cạnh biến tố). Những khó khăn này, vốn cũng được giáo viên Việt Nam chia sẻ, có thể được giảm thiểu bằng cách sử dụng các kỹ thuật cụ thể, chẳng hạn như tích hợp các công cụ CNTT với mục đích vui tươi và khiêm tốn, hoặc bằng một số yếu tố của lớp học đảo ngược.

Giáo viên tiếng Việt và tiếng Pháp cũng khuyến khích sự tiếp xúc đa văn hóa nhiều hơn, thông qua việc phổ biến văn hóa Pháp và giúp giáo viên có được kiến thức sâu rộng hơn về ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Việc thành thạo ngôn ngữ này cho phép vận dụng các tham chiếu ngữ pháp, ngữ âm hoặc âm điệu từ tiếng Việt để giải thích tiếng Pháp, cũng như sử dụng kỹ thuật chuyển đổi mã.

Việc xem xét những khó khăn này, kết hợp với các hoạt động giáo dục có mục tiêu rõ ràng sẽ tạo ra bầu không khí lớp học thoải mái, thuận lợi cho sự tham gia tích cực của học sinh và khả năng bày tỏ ý kiến về các môn học đã chọn.

4.Chiến lược chuyển vị

Hệ thống truyền đạt kiến thức hiện tại tại IFVHN không cung cấp một mạng lưới quan sát hoặc tiêu chí rõ ràng để hướng dẫn giáo viên FLE

mới. Sự thiếu hụt này hạn chế việc phổ biến các thực hành tốt, vốn rất cần thiết cho việc phát triển kỹ năng giảng dạy và phương pháp giảng dạy đầy thách thức.

Dữ liệu thu thập được qua các cuộc khảo sát hiện cung cấp nguồn tài nguyên giảng dạy để thể chế hóa một góc nhìn mới về các tác nhân và tương tác của hợp đồng giảng dạy. Việc điều chỉnh quản lý lớp học, tích hợp khái niệm về một khuôn mặt cụ thể vào các tương tác với người Việt, cho phép giáo viên tiếng Pháp áp dụng lập trường ít mang tính dân tộc chủ nghĩa hơn, không sao chép các hoạt động địa phương, mà bằng cách điều chỉnh phương pháp giảng dạy để giúp học sinh làm quen với các nền văn hóa giáo dục khác nhau.

Sự khác biệt về ngữ âm và âm điệu giữa tiếng Pháp và tiếng Việt là một trở ngại đáng kể. Một số giáo viên khai thác thanh điệu tiếng Việt để giúp việc học ngữ điệu tiếng Pháp dễ dàng hơn, nhờ đó việc giảng dạy trở nên dễ tiếp cận hơn và phù hợp với bối cảnh văn hóa. Việc chú trọng sửa lỗi ngữ âm hơn là ngữ pháp có thể được giải thích bởi trình độ ngữ pháp vốn đã rất cao của học sinh Việt Nam.

Việc phát triển năng lực đa văn hóa cũng bao gồm việc tích hợp hợp lý các từ mượn, làm phong phú vốn từ vựng và thúc đẩy giao lưu liên văn hóa, đồng thời yêu cầu làm rõ để tránh hiểu lầm. Cách tiếp cận này coi trọng kiến thức tiếng Việt của giáo viên và vượt ra ngoài phương pháp so sánh cứng nhắc, khuyến khích học sinh suy ngẫm về văn hóa của chính mình và văn hóa của ngôn ngữ đích.

Cuối cùng, sách giáo khoa bắt buộc (ULEI-UNV và IFVHN), mặc dù đôi khi bị tách rời khỏi bối cảnh, có thể được giáo viên bổ sung để tích hợp một chiều hướng đa văn hóa thực sự. Trong bối cảnh này, sách giáo khoa trở thành một công cụ phục vụ các bên liên quan trong lớp học, và giáo viên, một trung gian liên văn hóa có khả năng kết nối các thông số ngôn ngữ, văn hóa và sư phạm.

5. Tư vấn chuyên gia

Các cuộc phỏng vấn cho thấy nhiều ý kiến khác nhau về việc sử dụng CNTT trong giảng dạy môn Ngữ văn cho người học Việt Nam. Hầu hết giáo viên đều nhận thức được tiềm năng của CNTT trong việc tạo động lực cho học sinh và khơi gợi hứng thú trong bài học, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh việc sử dụng CNTT cho phù hợp với mục tiêu sư phạm, trình độ của người học và nguồn lực sẵn có.

Một số phương pháp, chẳng hạn như mã phản hồi nhanh hoặc cụm từ, được coi là hiệu quả trong việc kích thích sự tham gia, trong khi một số giáo viên khác lại cho rằng chúng không phù hợp với văn hóa Việt Nam và có khả năng làm tăng thêm sự nhút nhát. Ý kiến cũng khác nhau về việc sử dụng siêu ngôn ngữ để giải thích ngữ pháp: một số người ủng hộ tiếng Anh, số khác lại ủng hộ tiếng Pháp hoặc tiếng Việt, tùy theo nhu cầu.

Việc sử dụng từ mượn trong tiếng Việt hoặc tiếng Anh để làm giàu vốn từ vựng cũng gây chia rẽ, trong khi có sự đồng thuận về tầm quan trọng của việc sửa lỗi ngữ âm và ngữ điệu, mặc dù các phương pháp khác nhau tùy theo giáo viên.

Phần lớn các chuyên gia khuyến nghị nên đào tạo giáo viên tiếng Pháp về việc tích hợp CNTT phù hợp và cân nhắc đến đặc thù văn hóa của học sinh Việt Nam. Những kết quả này khẳng định rằng việc giảng dạy môn Ngữ văn trong bối cảnh này rất phức tạp và CNTT cần được tích hợp một cách chu đáo trong khuôn khổ giảng dạy cá nhân hóa và phù hợp với văn hóa.

6. Các yếu tố cho một hệ thống đào tạo

Nghiên cứu này nhằm mục đích cải thiện chất lượng giảng dạy tiếng Pháp (FLE) tại Việt Nam bằng cách xem xét nhu cầu và động lực của học sinh, văn hóa giáo dục địa phương và kỹ năng của giáo viên. Việc chuyển giao kết quả được thực hiện trong một khóa đào tạo gồm năm mô-đun dành cho giáo viên tiếng Pháp tại IFVHN, áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện, tích hợp các khía cạnh tình cảm, văn hóa xã hội và ngôn ngữ, đồng thời thúc đẩy tư duy phản biện để thích ứng trong bối cảnh tiếng Việt và hơn thế nữa.

Năm giai đoạn đào tạo là:

1. Động lực của học sinh: phân tích nhu cầu, so sánh với nhận thức của giáo viên, ý nghĩa giáo dục và cập nhật các công cụ đánh giá.
2. Phương pháp và công cụ giảng dạy: trình bày văn hóa giáo dục Việt Nam, chia sẻ và phân tích thực tiễn, thiết kế trình tự thông qua các phương pháp tiếp cận đa dạng của CARAP.
3. Khó khăn và giải pháp: xác định những trở ngại, phát triển các giải pháp phù hợp và cùng xây dựng các trình tự giáo dục.
4. Thực hành tốt nhất và khuyến nghị: tổng hợp dữ liệu và lựa

chọn phương pháp, soạn thảo tài liệu tham khảo, triển khai trình tự đã thiết kế.

5. Đánh giá: nhắc lại các điểm đã học, đánh giá quá trình đào tạo và tạo ra một đám mây từ ngữ về các khái niệm chính.

Hệ thống này, được thiết kế để đáp ứng nhu cầu cụ thể của giáo viên IFVHN, thúc đẩy sự hiểu biết về bối cảnh Việt Nam và trao đổi theo nhóm nhỏ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu kiến thức đã học. Tuy nhiên, hạn chế của nó nằm ở chi phí nhân lực và tài chính đáng kể, cũng như sự phụ thuộc vào sự tham gia của giáo viên, khiến việc triển khai hệ thống này trong bối cảnh hạn chế trở nên khó khăn.

7. Nhận xét của giáo viên về phản xạ chéo

Các giáo viên được phỏng vấn, những người sử dụng tiếng Anh trong lớp học và hiếm khi tham gia các buổi đào tạo hoặc trao đổi chuyên môn với giáo viên Việt Nam, nhận thức được tầm quan trọng của sự hiểu biết lẫn nhau về văn hóa và ngôn ngữ trong việc hỗ trợ học tập. Những buổi trao đổi này đã giúp họ hiểu rõ hơn những khó khăn mà học sinh gặp phải (đặc biệt là về ngữ pháp và văn hóa) và điều chỉnh một phần phương pháp giảng dạy bằng cách vận dụng kiến thức tiếng Việt, với thái độ bao dung hơn đối với lỗi sai.

Tuy nhiên, việc tích hợp hoàn toàn nền tảng văn hóa và ngôn ngữ của người học vẫn còn nhiều khó khăn. Do đó, giáo viên cần được đào tạo bài bản, chuyên sâu và thường xuyên hơn, phù hợp với thực tế nghề nghiệp của mình.

Trái ngược với nỗi lo ngại ban đầu về tác động hạn chế liên quan đến thời lượng ngắn ngủi của các buổi trao đổi, trải nghiệm này đã thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về bối cảnh giảng dạy FLE tại Hà Nội và khởi xướng những điều chỉnh về mặt sư phạm. Một số người tham gia hiện đề xuất các hình thức học tập ngắn hơn, tập trung vào nội dung cụ thể và thường xuyên hơn, thay vì 8 giờ như dự kiến, để tránh hiệu ứng bão hòa và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của họ.

PHẦN 5: THẢO LUẬN

Nghiên cứu này, tập trung vào Hà Nội, không nhằm mục đích xác định tất cả các phương pháp giảng dạy FLE cho đối tượng người Việt Nam, mà nhằm phân tích cách thức liên tục cải thiện phương pháp giảng dạy của giáo viên tiếng Pháp thông qua trao đổi với các đồng nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu khám phá việc sử dụng Khác biệt Tích cực như một khuôn khổ hành động để xác định và phổ biến các phương pháp hiệu quả, ngay cả khi chúng đi chệch khỏi tiêu chuẩn, bằng cách ưu tiên thử nghiệm tại địa phương và nâng cao giá trị của bối cảnh.

Các câu hỏi hướng dẫn tập trung vào: nhu cầu của giáo viên tiếng Pháp khi giao tiếp với công chúng Việt Nam, việc áp dụng sự khác biệt tích cực vào bối cảnh Việt Nam để quan sát định tính và phương pháp luận sẽ được triển khai để khái quát hóa và đo lường tác động của các hoạt động tích cực được quan sát.

Kết quả làm nổi bật nhu cầu trong quản lý lớp học, sự thích nghi về văn hóa và ngôn ngữ, sự điều chỉnh ngữ âm và âm điệu, sự quan tâm đến phương pháp tiếp cận định tính và đạo đức dựa trên quan sát, hướng dẫn song ngữ và phỏng vấn chuyên gia, sự phong phú và hiệu quả của các cuộc trao đổi liên văn hóa, động lực đổi mới sư phạm và khả năng của Sự khác biệt tích cực vượt ra ngoài việc nhập khẩu các mô hình ngoại sinh.

Ranh giới: lĩnh vực giới hạn ở Hà Nội (không đại diện cho toàn bộ Việt Nam), tính chủ quan liên quan đến phương pháp định tính mặc dù đã được xác thực chéo và sự nhạy cảm về văn hóa xung quanh khái niệm được đưa ra.

Triển vọng: tăng cường đào tạo liên tục cho giáo viên FLE, cả người Pháp và người Việt, bằng cách dựa vào việc phổ biến giữa các đồng nghiệp về các phương pháp đã được chứng minh tại địa phương; khuyến khích tính phản xạ, việc cùng xây dựng kiến thức và đổi mới sư phạm và mở rộng phương pháp tiếp cận sang các bối cảnh giáo dục liên văn hóa khác để xác định các hằng số và đặc điểm riêng trong sự xuất hiện và phổ biến các phương pháp mới.

PHẦN 6: KẾT LUẬN CHUNG

Nghiên cứu này phân tích sự thích ứng thực hành nghề nghiệp của giáo viên tiếng Pháp dạy tiếng Pháp (FLE) tại Việt Nam thông qua phương pháp luận lấy cảm hứng từ Positive Deviance, được cải biên thành Positive Difference (Sự khác biệt tích cực). Nghiên cứu này trả lời câu hỏi: "Việc đào tạo giáo viên tiếng Pháp dạy tiếng Pháp tại IFVHN thông qua Positive Deviance để thích ứng kỹ năng giảng dạy cho người Việt Nam trưởng thành tại Hà Nội có tác động như thế nào?"

Nghiên cứu được cấu trúc xung quanh ba trục:

1. Xác định nhu cầu cụ thể của giáo viên tiếng Pháp khi giảng dạy cho đối tượng người lớn Việt Nam;
2. Việc chuyển thể sự lệch lạc tích cực thành một công cụ định tính phù hợp với các yêu cầu về đạo đức và nhận thức luận của khoa học xã hội và nhân văn;
3. Thiết lập một giao thức trao đổi và phản biện về các khía cạnh giáo dục.

Kết quả cho thấy phương pháp giảng dạy tiếng Việt tại Hà Nội chịu ảnh hưởng của các biến số văn hóa, ngôn ngữ và thể chế cụ thể, và giáo viên tiếng Pháp cảm thấy cần phải điều chỉnh, đặc biệt là về ngữ điệu, quản lý lớp học và xem xét những kỳ vọng ngầm của người học. Việc tái sử dụng "Sự lệch lạc tích cực" trong "Sự khác biệt tích cực" giúp thúc đẩy các phương pháp giảng dạy hiệu quả từ thực tiễn, đồng thời tránh kỳ thị hoặc hạ thấp văn hóa, mở đường cho phương pháp giảng dạy mang tính bối cảnh và đổi mới.

Nghiên cứu cũng cho thấy cấu trúc trao đổi chuyên môn theo chiều ngang giữa giáo viên Việt Nam và Pháp còn yếu. Trong bối cảnh này, Chênh lệch Tích cực vừa là công cụ để xác định các thực hành tốt, vừa là đòn bẩy cho sự hợp tác, thúc đẩy tính phản xạ và tăng cường tính chuyên nghiệp thông qua đối thoại sư phạm.

DANH SÁCH CÁC ÁN PHẨM

1. Romani Aguillon, Y. và Chnane-Davin, F. (Đang chờ xuất bản – 2025?). Hướng tới việc nâng cao giá trị của Cộng đồng Pháp ngữ tại Việt Nam - Sự Khác Biệt Tích Cực, một công cụ mới để nâng cao kỹ năng đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Trong Brochet, O. (biên tập) và Flicker, C. (biên tập). Cộng đồng Pháp ngữ tại Châu Á - Thái Bình Dương (9)
2. Romani Aguillon, Y. (2025). Chuyển giao kỹ năng giữa giáo viên tiếng Pháp và tiếng Việt thông qua sự khác biệt tích cực: Một hướng đi để nâng cao chất lượng giảng dạy. Nghiên cứu và Ứng dụng, 78
3. Romani Aguillon, Y. và Đinh, HV (2023). Đồng hóa khái niệm lịch lạc tích cực vào tiếng Việt thông qua lý thuyết dịch thuật diễn giải. Trong Aubin, S. (biên tập) và Marchal, B. (đồng biên tập). Sử dụng và độ tin cậy của phương tiện truyền thông và công nghệ kỹ thuật số: Mối quan tâm nào đối với nghiên cứu và giảng dạy ở Đông Nam Á? Ấn bản Synergies Pays Riverains du Mékong, (11)
4. Romani Aguillon, Y. (2020). Hãy cùng đón nhận sự khác biệt tích cực! Hội thảo Nghiên cứu Sau đại học Quốc tế 2020 & Diễn đàn Giảng dạy Hán ngữ Đông Á lần thứ 10, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS-VNU), tháng 10 năm 2020, Hà Nội, Việt Nam.(hal-03475788)
5. Romani Aguillon, Y. (2019). Đáp ứng nhu cầu giáo dục thông qua sự lịch lạc tích cực. Hội thảo nghiên cứu sau đại học quốc tế 2019, Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 10 năm 2019, Hà Nội, Việt Nam.(hal-03443293)